

Số: 74 /2017/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 21 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 50/2013/TT-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế- kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X, kỳ họp thứ 4 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3282/TTr-STNMT ngày 07 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định để cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất và đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

c) Đối tượng giảm phí: Hộ nghèo, người có công cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được giảm 50% so với mức thu phí theo quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 2. Mức thu phí

1. Đối với hồ sơ giao đất, cho thuê đất:

a) Trường hợp cấp mới:

Số TT	Đối tượng thu	Mức thu (đ/m ²)	
		Tại thành phố PR-TC	Tại huyện
I	Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư		
1	Trường hợp sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở	150	110
2	Trường hợp sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh	230	160
II	Đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo; tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài		
1	Trường hợp sử dụng đất không nhằm vào mục đích sản xuất, kinh doanh	230	160
2	Trường hợp sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh	300	210

Mức thu phí cao nhất không quá 5.000.000 đ/hồ sơ.

b) Trường hợp cấp lại: Mức thu phí bằng 75% trường hợp cấp mới.

2. Đối với hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Số TT	Đối tượng thu	Mức thu (đồng/hồ sơ)
I	Đối với hộ gia đình, cá nhân	435.000
II	Đối với tổ chức	950.000

Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Cơ quan thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

a) Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất: Tổ chức thu phí được trích lại 30% trên số tiền phí thu được để trang trải chi phí cần thiết cho thực hiện công việc và thu phí theo chế độ quy định; 70% còn lại phải kê khai và nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

b) Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Tổ chức thu phí được trích lại 80% trên số tiền phí thu được để trang trải chi phí cần thiết cho thực hiện công việc và thu phí theo chế độ quy định; 20% còn lại phải kê khai và nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đề cập tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

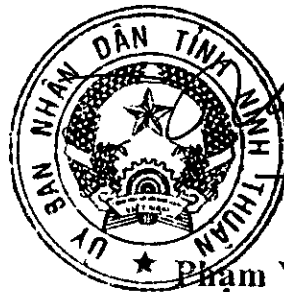
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 8 năm 2017; thay thế Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.


Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ TN&MT;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- VPUB: LĐ, QH XD, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Phạm Văn Hậu